

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG  
**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **615** /SKHĐT-KGVX

Đắk Nông, ngày **10** tháng 4 năm 2018

V/v đề nghị đăng tải lấy ý kiến người dân đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông

Kính gửi: Công Thông tin điện tử tỉnh Đắk Nông.

Thực hiện Chương trình công tác trọng tâm năm 2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư, trong đó có nhiệm vụ xây dựng Nghị quyết điều chỉnh, thay thế các Nghị quyết: số 21/2013/NQ-HĐND ngày 19/7/2013, số 28/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015, số 29/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015, quy định về mức hỗ trợ và tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020, trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khoá III thông qua tại kỳ họp thứ 6 năm 2018 (được HĐND tỉnh thống nhất tại Thông báo số 03/TB-HĐND ngày 12/3/2018).

Sở Kế hoạch và Đầu tư đã chủ trì xây dựng bản dự thảo Nghị quyết thay thế các Nghị quyết nói trên của HĐND tỉnh (tiên hành lấy ý kiến các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã hai lần bằng văn bản và tổ chức cuộc họp), nhằm tiếp tục lấy ý kiến rộng rãi trong nhân dân, doanh nghiệp giúp cho Nghị quyết sau khi được ban hành có tính khả thi cao, tạo được sự đồng thuận tham gia của người dân, doanh nghiệp trong xây dựng hạ tầng nông thôn mới, góp phần phát triển kinh tế xã hội, xóa đói giảm nghèo ở các xã đặc biệt khó khăn của tỉnh; Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Công Thông tin điện tử tỉnh đăng tải bản dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, thay thế các Nghị quyết nói trên của HĐND tỉnh (có bản dự thảo kèm theo), để người dân, doanh nghiệp tham gia đóng góp ý kiến.

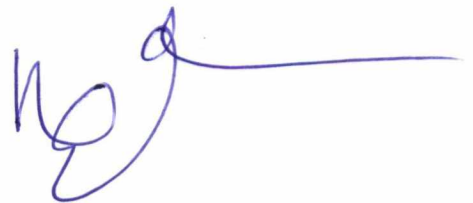
*\* Thông tin góp ý: Đề nghị người dân, doanh nghiệp góp ý bằng văn bản gửi về Phòng Khoa giáo, Văn xã – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông, đường 23/3, thị xã Gia Nghĩa hoặc qua số điện thoại: **0261 3544 233** hoặc qua địa chỉ email: **duclv.skhdtd@daknong.gov.vn**.*

Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Công Thông tin điện tử tỉnh quan tâm, tạo điều kiện triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- VP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Sở;
- Trang TTĐT của Sở (để đăng tải lấy ý kiến góp ý);
- Lưu: VT, KGVX (Đ).

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Dưỡng**

Số: /2018/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày tháng 7 năm 2018

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định tỷ lệ, định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng  
thiết yếu trong việc triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu  
quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2018-2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG  
KHÓA III, KỲ HỌP THỨ VI**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13, ngày 12/11/2015 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;*

*Căn cứ Nghị định số 161/2016/NĐ-CP, ngày 02/12/2016 của Chính phủ Ban hành cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;*

*Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg, ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành quy chế quản lý, điều hành các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg, ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững;*

*Căn cứ Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg, ngày 22/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;*

*Căn cứ Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính Quy định về thanh toán, quyết toán nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2017/TT-BDT ngày 10/5/2017 của Ủy ban Dân tộc quy định chi tiết thực hiện Dự án 2 (Chương trình 135) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;*



Thực hiện Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Thực hiện Quyết định số 1722/QĐ-TTg, ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Thực hiện Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020;

Thực hiện Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu và diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020;

Thực hiện Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Xét Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày tháng năm 2018.....; Báo cáo thẩm tra số..... của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh, ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định tỷ lệ, định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trong việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2018-2020, gồm những nội dung chủ yếu như sau đây:

### **1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

a) Quy định tỷ lệ, định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (nguồn vốn đã có quy định tỷ lệ % cơ cấu đầu tư tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì tiếp tục triển khai thực hiện).

b) Các xã, thôn, bon, buôn, bản trên địa bàn tỉnh, các công trình dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn các xã từ nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020. Việc xác định các xã, thôn, bon, buôn, bản đặc biệt khó khăn, xã thuộc khu vực III, xã khu vực II, xã khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi: Thực hiện theo các Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ và của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc.

c) Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc huy động nguồn lực và tổ chức quản lý, đầu tư xây dựng nông thôn mới, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững (Chương trình 135, Chương trình 30a).

### **2. Về các nguồn vốn thực hiện**

a) Nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ trực tiếp từ hai chương trình mục



tiêu quốc gia (Xây dựng nông thôn mới và Giảm nghèo bền vững).

b) Nguồn vốn ngân sách tỉnh: Bao gồm nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương; vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho ngân sách tỉnh; các nguồn vốn khác có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới và Chương trình giảm nghèo bền vững.

c) Nguồn vốn ngân sách cấp huyện: Nguồn cân đối ngân sách cấp huyện, thu tiền sử dụng đất để lại cho cấp huyện, ngân sách cấp tỉnh phân cấp cho ngân sách cấp huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác do ngân sách cấp huyện quản lý, phân bổ cho các chương trình mục tiêu quốc gia.

d) Nguồn vốn ngân sách cấp xã: Nguồn cân đối ngân sách cấp xã, thu tiền sử dụng đất để lại cho cấp xã, ngân sách cấp huyện phân cấp cho ngân sách cấp xã, và các nguồn vốn hợp pháp khác do ngân sách cấp xã quản lý.

đ) Nguồn vốn huy động từ nhân dân: Theo quy chế dân chủ ở cơ sở và theo hướng dẫn tại các văn bản triển khai thực hiện các chương trình do Trung ương ban hành.

e) Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác: Bao gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước ủng hộ.

### **3. Tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh**

a) Quy định các cấp ngân sách hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trong triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (Xây dựng nông thôn mới và Giảm nghèo bền vững) trên địa bàn tỉnh theo phụ lục ban hành kèm theo.

b) Việc phân bổ tỷ lệ giữa ngân sách cấp huyện, cấp xã phân cấp cho UBND các huyện, thị xã xây dựng và trình cho Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định cho phù hợp với khả năng ngân sách của từng huyện và tình hình thực tế của từng xã.

### **4. Định mức hỗ trợ từ nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia (Xây dựng nông thôn mới và Giảm nghèo bền vững) đầu tư xây dựng đường giao thông nông thôn (góp phần hoàn thiện cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn, hoàn thành tiêu chí số 02 trong xây dựng nông thôn mới và thực hiện xóa đói giảm nghèo trên địa bàn tỉnh):**

Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa theo định mức trên 01km đường bê tông xi măng (được quy ra bằng tiền mặt) của từng khu vực như sau:

a) Đối với các xã khu vực III và các thôn, bon, buôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc các xã khu vực II: Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ: 138 tấn xi măng; 425m<sup>3</sup> đá 1x2; 438m<sup>3</sup> cát xây; 05 ca máy trộn bê tông (dung tích 250 lít); 01 ca máy gạt và 02 ca máy lu. Còn lại các chi phí khác do nhân dân tự thỏa thuận đóng góp hoặc huy động từ các nguồn vốn hợp pháp khác theo các quy định về quản lý và hướng dẫn triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia do Trung ương và tỉnh ban hành.

b) Đối với các xã khu vực II (trừ các đối tượng quy định tại điểm a): Vốn ngân sách nhà nước gia hỗ trợ: 138 tấn xi măng; 328m<sup>3</sup> đá 1x2; 319m<sup>3</sup> cát xây; còn



lại là nguồn vốn huy động (cụ thể: hỗ trợ 100% xi măng; 75% đá 1x2; 75% cát xây so với quy định tại điểm a, khoản 4 Điều này).

c) Đối với các xã khu vực I: Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ 138 tấn xi măng; 212m<sup>3</sup> đá 1x2; 219m<sup>3</sup> cát xây; còn lại là nguồn vốn huy động (cụ thể: hỗ trợ 100% xi măng; 50% đá 1x2; 50% cát xây so với quy định tại điểm a, khoản 4 Điều này).

Định mức trên được hỗ trợ tối đa cho 01km đường bê tông xi măng mác 200, chiều rộng 03m, chiều dày 16cm. Trường hợp điều kiện địa hình khó khăn, trong bước đầu phân kỳ đầu tư có thể giảm chiều rộng mặt đường (nhưng tối thiểu là 02m) hoặc do yếu tố về kỹ thuật khác (mở rộng mặt đường do độ cong lớn...) thì định mức hỗ trợ vật liệu được xác định bằng mức hỗ trợ bình quân cho 01m<sup>2</sup> nhân với diện tích thực tế phát sinh thêm.

### **5. Quy định về việc thực hiện đóng góp từ nhân dân các xã biên giới khu vực I, khu vực II thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia**

a) Việc huy động sự đóng góp của nhân dân trên địa bàn thực hiện các công trình, dự án xây dựng cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình 135 (dự án thành phần của Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững) của các xã biên giới khu vực I, khu vực II thực hiện theo tỷ lệ đối với các xã khu vực III phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này. Riêng hỗ trợ đầu tư xây dựng đường giao thông nông thôn thực hiện theo định mức quy định tại điểm a, khoản 4, Điều này.

b) Việc huy động sự đóng góp của nhân dân trên địa bàn thực hiện các công trình, dự án xây dựng cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới ở các xã biên giới thuộc khu vực I, khu vực II trên địa bàn tỉnh thực hiện theo tỷ lệ đối với các xã khu vực I, khu vực II phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này. Riêng hỗ trợ đầu tư xây dựng đường giao thông nông thôn thực hiện theo định mức quy định tại điểm b, điểm c, khoản 4, Điều này. Nếu trong thời gian tới Trung ương có quy định về cơ chế riêng thì áp dụng theo quy định của Trung ương.

**6.** Thứ tự ưu tiên trong việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu do ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp từ các chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới và Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh cụ thể như sau:

a) Thứ nhất: Đường giao thông (gồm đường trục thôn, bon, buôn, bản, đường ngõ xóm; đường đến trung tâm xã đối với các xã chưa có đường đến trung tâm xã; đường xã, đường vào nghĩa trang xã và đường trục chính nội đồng).

b) Thứ hai: Trường học (gồm Trường Trung học cơ sở, Trường Tiểu học và Trường Mầm non).

c) Thứ ba: Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung.

d) Thứ tư: Các công trình khác thuộc đối tượng đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia (Xây dựng nông thôn mới và Giảm nghèo bền vững) giai đoạn 2016-2020.

Việc lập kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn các xã phải thực hiện cơ bản hoàn thành ưu tiên thứ nhất, thứ hai và thứ ba, sau đó mới lập kế hoạch triển khai thực hiện nội dung ưu tiên thứ tư, trừ trường hợp các xã có khả



năng đạt chuẩn trong năm kế hoạch. Nếu Trung ương có quy định khác về thứ tự ưu tiên so với thứ tự ưu tiên nêu trong Nghị quyết này cho một nguồn vốn cụ thể thì thực hiện theo chỉ đạo của Trung ương.

## **Điều 2.** Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này và định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết: số 21/2013/NQ-HĐND ngày 19/7/2013, số 28/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015, số 29/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015, các nội dung về tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện các nội dung, công việc thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới, Giảm nghèo bền vững được bố trí vốn trước khi Nghị quyết này được ban hành thì tiếp tục triển khai thực hiện theo quy định tại các Nghị quyết trên; các công trình, dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia được bố trí vốn sau khi Nghị quyết này được ban hành, thì thực hiện theo các quy định tại Nghị này và theo các quy định về triển khai thực hiện các chương trình do Trung ương ban hành.

4. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

*Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Khóa III, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày tháng 7 năm 2018./.*

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban Tài chính – Ngân sách Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KHĐT, TC, NNPTNT, LĐTBXH;
- Ủy ban Dân tộc;
- Ban Công tác Đại biểu Quốc hội;
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban nhân dân, UB MTTQVN tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể của tỉnh;
- Các Ban Đảng của Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- Báo Đắk Nông, Đài PT-TH tỉnh, Công báo tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh, Chi cục Văn thư – Lưu trữ;
- Lưu: VT, CTHĐ.....

**CHỦ TỊCH**

**Lê Diễn**

**PHỤ LỤC**  
**QUY ĐỊNH TỶ LỆ HỖ TRỢ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ**  
**XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU TRONG VIỆC TRIỂN KHAI**  
**THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN**  
**ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG, GIAI ĐOẠN 2018-2020**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2018/NQ-HĐND ngày tháng 7 năm  
 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)

STT	Danh mục công trình	Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (%)	Nguồn huy động ngoài ngân sách và mức đóng góp của người dân (%)	Ghi chú
01	Đường giao thông đến trung tâm xã			
1.1	- Các xã khu vực 1:	75	25	
1.2	- Các xã khu vực 2:	90	10	
1.3	- Các xã khu vực 3 được hưởng Chương trình 135 và các xã thuộc huyện có tỷ lệ nghèo cao được áp dụng cơ chế chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định của Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP.	95	5	
02	Đường giao thông thôn, xóm; giao thông nội đồng.			Thực hiện định mức hỗ trợ vật liệu xây dựng (quy định bằng tiền) tại khoản 4, Điều 1 của Nghị quyết
03	Công trình trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở:			
3.1	- Các xã khu vực 1:	80	20	
3.2	- Các xã khu vực 2:	90	10	
3.3	- Các xã khu vực 3 được hưởng Chương trình 135 và các xã thuộc huyện có tỷ lệ nghèo cao được áp dụng cơ chế chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định của Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP; các thôn, bon, buôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực 1 và khu vực 2 được hưởng đầu tư cơ sở hạ tầng Chương trình 135.	95	5	
04	Nhà văn hóa, công trình thể thao xã, thôn, bon, buôn, bản.			
4.1	- Các xã khu vực 1:	70	30	
4.2	- Các xã khu vực 2:	80	20	
4.3	- Các xã khu vực 3 được hưởng Chương trình 135 và các xã thuộc huyện có tỷ lệ nghèo cao được áp dụng cơ chế chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định của Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP; các thôn, bon, buôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc xã khu	95	5	



	vực 1 và khu vực 2 được hưởng đầu tư cơ sở hạ tầng Chương trình 135.			
05	Đường vào nghĩa trang xã.			
5.1	- Các xã khu vực 1:	65	35	
5.2	- Các xã khu vực 2:	80	20	
5.2	- Các xã khu vực 3 được hưởng Chương trình 135 và các xã thuộc huyện có tỷ lệ nghèo cao được áp dụng cơ chế chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định của Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP; các thôn, bon, buôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực 1 và khu vực 2 được hưởng đầu tư cơ sở hạ tầng Chương trình 135.	95	5	
06	Cấp nước sinh hoạt tập trung.			
6.1	- Các xã khu vực 3 được hưởng Chương trình 135 và các xã thuộc huyện có tỷ lệ nghèo cao được áp dụng cơ chế chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định của Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP; các thôn, bon, buôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực 1 và khu vực 2 được hưởng đầu tư cơ sở hạ tầng Chương trình 135.	95	5	
6.2	- Các xã khu vực còn lại.	75	25	